TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** **TỈNH BẮC NINH** **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **----------**

Bản án số: 21/2017/ST- HNGĐ
Ngày: 20/9/2017
Về việc: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong;

Các Hội thẩm nhân dân*:*

- Ông Nguyễn Sỹ Can, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã Liên Bão;
- Bà Đào Thị Thu, Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ xã Đại Đồng.

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Cương;

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Mai Loan .

Hôm nay, ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du; tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QDDXX-HNGĐ ngày 05/9/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1976, có mặt;

Địa chỉ: Xóm Ch, thôn HV, xã LV, huyện T, tỉnh Bắc Ninh

Bị đơn: Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1969, vắng mặt;

Địa chỉ: Phố HV, xã LV, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác; nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Chị kết hôn với anh Hoàng Văn Th từ tháng 10/1994. Trước khi cưới các bên có được tìm hiểu tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lạc Vệ. Hôn lễ được tổ chức tại gia đình và nhà thờ theo đạo Công giáo.

Sau ngày cưới, chị về chung sống với gia đình anh Th tại phố HV, xã LV. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu cũng hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2007, vợ chồng sang Nhật làm thuê cho em gái anh Th được 3 năm thì anh Th về trở về Việt Nam trước.

Chị ở lại làm thêm để lấy tiền trang trải cho gia đình. Trong thời gian này thì vợ chồng đã có những mâu thuẫn về kinh tế.

Năm 2014, chị về nước đã thấy anh Th đã chung sống với người phụ nữ khác. Chị không có ý kiến gì về các mốiquan hệ của anh Th. Vì thực sự vợ chồng không còn tình cảm, nên việc anh Th chung sống với ai chị không quan tâm. Thời gian chị đi lao động, anh Th cũng không chăm lo đến con cái, để con chơi bời lêu lổng, không chịu học hành. Khi chị về nhà, anh Th cũng không có trách nhiệm gì với vợ con. Chị xét thấy, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Hoàng Văn Th1, sinh năm 1995 và Hoàng Mạnh T, sinh năm 2001. Cháu Th1 đã trưởng thành, đủ sức khỏe, tự lao động nuôi sống bản thân. Cháu T ở với chị, còn nhỏ đang đi học. Chị Q đề nghị tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì. Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ.

Bị đơn anh Hoàng Văn Th trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 27/7/2017: Thống nhất với lời trình bày của chị Q về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung của vợ chồng.

Anh Th cho rằng: Mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc chị Q kiếm được tiền trong thời gian lao động ở Nhật không gửi về cho anh nuôi con mà gửi hết về cho bố mẹ đẻ. Khi về nước, không chung sống với anh mà ở bên nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Anh Th thừa nhận có chung sống với người phụ nữ khác. Đến nay, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q.

Về con chung: Nhất trí với đề nghị của chị Q

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung gì, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tiến hành tố tụng tại phiên tòa ; sau khi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

Bị đơn là anh Hoàng Văn Th có hộ khẩu thường trú tại thôn Nam Viên, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng chị Q, anh Th sau khi kết hôn về chung sống cùng nhau ở Phố HV, xã LV. Khi vợ chồng ly thân, anh Th vẫn sinh sống ở Lạc Vệ, thỉnh thoảng có đến sinh sống cùng người phụ nữ khác tại số nhà

314, Đường Lý Thường Kiệt, khu 6, Phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Vì không sinh sống thường xuyên nên anh Th không đăng ký tạm trú tại địa chỉ này.

Quá trình giải quyết vụ án ly hôn, anh Th đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Tiên Du giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Q.

Tòa án cũng tiến hành ghi lời khai và tống đạt cho anh Th văn bản tố tụng là Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Anh Th đã nhận biên bản nhưng vẫn không có mặt mà không có có lý do. Chị Q yêu cầu Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 18/9/2017, HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp theo vào ngày 20/9/2017; văn bản trên đã được tống đạt trực tiếp cho anh Th, nhưng anh Th vẫn vắng mặt.

Do vậy, Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Thuận là phù hợp với các quy định của khoản 4 Điều 207 và khoản 2 điều 227 – Bộ luật Tố tụng dân sự,

2. Về nội dung của vụ án

Chị Q và anh Th kết hôn vào tháng 10/1994 trên cơ sở tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Đến nay, vợ chồng không còn tình cảm, không thể trở về chung sống, đoàn tụ với nhau được nữa. Chị Q yêu cầu ly hôn, anh Th cũng đồng ý ly hôn. Nhưng anh Th không hợp tác cùng với Tòa án để giải quyết vụ án, trong đó có lý do vì vợ chồng cùng là người công giáo nên việc ly hôn không được chấp nhận trong cộng đồng.

HĐXX xét thấy: Cuộc sống vợ chồng của chị Q, anh Th đã thỏa mãn các quy định của Điều 56 – Luật Hôn nhân và gia đình. Mặc dù anh Th đồng ý ly hôn, nhưng không có mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử nên không thể công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa mà cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q là phù hợp với pháp luật và thực tế.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Hoàng Văn Th1, sinh năm 1995 và Hoàng Mạnh T, sinh 16/5/2001. Cháu Th1 đã trưởng thành, đủ sức khỏe, tự lao động nuôi sống bản thân. Chị Q đề nghị được tiếp tục nuôi cháu T và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Th cũng đồng ý với đề nghị này. Nên cần giao cháu Hoàng Mạnh Tcho chị Quyết tiếp tục nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung gì, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng. Anh Thuận, chị Quyết không yêu cầu giải quyết về tài sản.

3.Về án phí:

Chị Quyết phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81,82,83 - Luật Hôn nhân & gia đình; Khoản 3 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Hoàng Văn Th.

- Giao chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu Hoàng Mạnh T, sinh 16/5/2001; Vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con không đặt ra.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Chị Q có quyền yêu cầu anh Th, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Xác định chị Q đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lại thu tiền số AA/2012/02476 ngày 21/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh BN*
- *VKSNDtỉnh, huyện*
- *Chi cục THADS huyện*
- *UBND xã Lạc Vệ*
- *Lưu án văn, hồ sơ*

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phong

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đào Thị Thu ***Nguyễn Sỹ Can*** ***Nguyễn Thị Phong***